TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22-11-2018
V/v "tranh chấp về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Túy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Hoa
2. Bà Trần Thị Hạnh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Hiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 349/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ 50, thôn T, xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu *(Vắng mặt-có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 11, ấp X, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn yêu cầu ly hôn, bản tự khai và các biên bản làm việc tại Toà án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

Bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Thành C đăng ký kết hôn vào ngày 26-4-2016 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Hôn nhân của bà V và ông C trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có tổ chức lễ cưới tại gia đình của hai bên.

Trong quá trình sống chung đến tháng 7 năm 2018 giữa bà V và ông C phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do ông C có quan hệ với nhiều người phụ nữ khác dẫn đến tính cảm sứt mẽ, thường xuyên xảy ra cãi vã, không quan tâm nhau. Đến nay bà V và ông C đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không

có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên hai người đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2018 cho đến nay.

Nay bà Nguyễn Thị V yêu cầu Toà án giải quyết cho bà Nguyễn Thị V được ly hôn với ông Nguyễn Thành C.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Thành C có 01 người con chung là cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 12-12-2015. Bà Nguyễn Thị V xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Thành Đ. Bà Nguyễn Thị V không yêu cầu ông Nguyễn Thành C cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị V tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 16-10-2018, biên bản hòa giải ngày 16-10-2018 tại Tòa án bị đơn ông Nguyễn Thành C trình bày:

Ông Nguyễn Thành C đồng ý với trình bày của bà Nguyễn Thị V về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông Nguyễn Thành C và bà Nguyễn Thị V đăng ký kết hôn vào ngày 26-4-2016 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Hôn nhân của ông Nguyễn Thành C và bà Nguyễn Thị V trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có tổ chức lễ cưới tại gia đình của hai bên.

Trong quá trình sống chung đến tháng 7 năm 2018 thì giữa ông Nguyễn Thành C và bà Nguyễn Thị V phát sinh nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân là do trong công việc làm ăn đi lại nhiều và gặp gỡ nhiều khách hàng và nhân viên do đó ông C không kiềm chế được nên có quan hệ qua đêm với người phụ nữ khác nên bà V biết được và không tha thứ dẫn đến vợ chồng không quan tâm nhau, mặc dù nhiều lần cố gắng để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể sống chung với nhau được nữa nên hai người đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2018 cho đến nay.

Nay bà Nguyễn Thị V yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn thì ông Nguyễn Thành C xin Tòa án cho ông C có thời gian khoảng 03 tháng để ông C hàn gắn tình cảm vợ chồng, nếu hết thời gian trên mà ông C không hàn gắn được với bà V thì ông C đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông Nguyễn Thành C và bà Nguyễn Thị V có 01 người con chung là cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 12-12-2015. Nếu trường hợp ông C và bà V ly hôn thì ông Nguyễn Thành C đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Thành Đ cho bà Nguyễn Thị V được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ông Nguyễn Thành C đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đồng để bà V nuôi cháu Đ.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Thành C tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp; thu thập đầy đủ chứng cứ và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị V chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Nguyễn Thành C đã được Tòa án triệu tập đến làm việc nhưng ông C chỉ có mặt một lần còn các phiên làm việc và tại phiên tòa ông C vẫn vắng mặt, không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà V và ông C ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị V; về con chung: Bà V và ông C có 01 người con chung là cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 12-12-2015. Trong quá trình giải quyết vụ án thì ông Nguyễn Thành C đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Thành Đ cho bà Nguyễn Thị V được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ông Nguyễn Thành C đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đồng để bà V nuôi cháu Đạt nhưng các lần làm việc sau và tại phiên tòa ông C đều vắng mặt còn bà V không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận về con chung và ghi nhận sự tự nguyện của bà V không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung bà V và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Thành C đăng ký kết hôn kết hôn vào ngày 26-4-2016 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Nay bà V yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; nơi cư trú của ông Nguyễn Thành C là xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Ngày 13-11-2018, Tòa án mở phiên tòa để xét xử vụ án nhưng ông C vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án phải hoãn phiên tòa, ấn định thời gian mở lại phiên tòa là ngày 22-11-2018 nhưng tại phiên tòa ông C vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do còn bà V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Thành C là đúng quy định tại khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Thành C đăng ký kết hôn vào ngày 26-4-2016 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Quá trình sống chung theo trình bày của bà V thì đến tháng 7

năm 2018 giữa bà V và ông C phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do ông C không chung thủy với vợ con mà có quan hệ với nhiều người phụ nữ khác dẫn đến tình cảm bị của bà V bị tổn thương nên thường xuyên xảy ra cải vã, không còn quan tâm đến nhau. Bà V và ông C đã nhiều lần cố gắng để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên hai người đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2018 cho đến nay là có thật. Quá trình làm việc tại Tòa ông C cũng thừa nhận nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do công việc của ông C tiếp xúc nhiều khách hàng và nhân viên nên nhiều khi ông C không kiềm chế được bản thân nên đã qua đêm với người phụ nữ khác nên bà V biết được dẫn đến mất niềm tin vợ chồng.

[4] Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà V, Tòa án đã tiến hành nhiều phiên hòa giải để ông C và bà V hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình nhưng ông C chỉ tham gia để hòa giải 01 lần còn các lần hòa giải khác và tại phiên tòa ông C đều vắng mặt điều đó chứng tỏ ông C không có thiện chí để hàn gắn tình cảm gia đình.

[5] Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà V và ông C ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Nguyễn Thị V được ly hôn với ông Nguyễn Thành C.

[6] *Về quan hệ con chung*: Bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Thành C có 01 người con chung là cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 12-12-2016. Trong quá trình giải vụ án thì bà V xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành Đ và ông C cũng đồng ý giao cháu Đạt cho bà V được chăm sóc, nuôi dưỡng nên cần ghi nhận sự tự nguyện của bà V và ông C về việc bà Nguyễn Thị V được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thành Đ.

[7] *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Trong quá trình giải quyết vụ án thì ông C đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đồng để bà V nuôi dưỡng cháu Đạt nhưng các lần làm việc sau và tại phiên tòa ông C đều vắng mặt còn bà V không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung nên cần ghi nhận sự tự nguyện của bà V không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

[8] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Thành C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị V phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị V được ly hôn với ông Nguyễn Thành C.

Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Thành C có 01 người con chung là cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 12-12-2015.

Bà Nguyễn Thị V được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thành Đ.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị V không yêu cầu ông Nguyễn Thành C cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Thành C được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Thành C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004909 ngày 28-8-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức. Bà Nguyễn Thị V đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ, bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Thành C có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Châu Đức;
- Chi cục THA Dân sự huyện Châu Đức;
- UBND xã K, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thanh Túy